TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà C T H C;

2. Bà T T N P.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông T V Q - thư ký Tòa án nhân dân huyện T T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Lệ X, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 7 ấp Long Hưng, xã Ô Long Vỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 10 ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện T T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ X trình bày:

Về hôn nhân: Bà X và ông Nguyễn Thanh T qua tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ô Long Vỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm ở Bình Dương, trong quá trình chung sống thì

ông Thiều có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 13/9/2010 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/4/2015, từ khi ly thân đến nay con chung do bà X nuôi dưỡng, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Thiều cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lệ X và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà X và ông Thiều thường xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân thừ năm 2015 đến nay. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải hai lần nhưng ông Thiều vắng mặt, chứng tỏ ông Thiều không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Lệ X đối với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 13/9/2010 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/4/2015. Xét thấy, từ khi ly thân con chung do bà X nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của hai cháu Vinh và Hạnh được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Nên việc giao con chung cho bà Lê Thị Lệ X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp

dưỡng nuôi con do bà X không có yêu cầu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T vắng mặt. Nguyên đơn bà Lê Thị Lệ X có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện T T triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà X, ông Nguyễn Thanh T.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện T T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện T T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Lệ X và ông Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ô Long Vỹ, huyện Châu Phú ngày 25/02/2011 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà X, ông Thiều phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh tại ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà xác định *"...bà X , ông Thiều không cùng về nhà. Mỗi lần về chỉ có một mình ông Thiều....."*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà X và ông Thiều đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông Thiều không đến cũng chứng minh rằng ông Thiều không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Lệ X là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 13/9/2010 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/4/2015. Từ khi ly thân con chung do bà X nuôi dưỡng và bà X yêu cầu tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn cũng phù

hợp với nguyện vọng của hai cháu Vinh và Hạnh. Xét thấy, giao con chung cho bà Lê Thị Lệ X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà X không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Lệ X khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Lệ X đối với ông Nguyễn Thanh T. Bà Lê Thị Lệ X được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Ô Long Vỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 13/9/2010 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/4/2015 cho bà Lê Thị Lệ X nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Lệ X cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh T quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Lệ X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007869 ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T, bà Lê Thị Lệ X đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sư;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Ô Long Vỹ;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đ V H